

03	Nguyễn Bình Sơn	Bác sĩ	Thạc sĩ, Bác sĩ	Số 001490/BG- CCHN ngày 23/9/2013	CK Chẩn đoán hình ảnh	Trên 5 năm	Thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
04	Nguyễn Chí Thanh	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 0004997/BG- CCHN ngày 06/11/2016	CK Chẩn đoán hình ảnh	2 năm	Thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
5	Phương Văn Nam	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 006446/BG- CCHN ngày 13/9/2017	CK Chẩn đoán hình ảnh	1 năm	Thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
6	Nguyễn Hồng Bắc	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 006074/BG- CCHN ngày 28/3/2017	CK Chẩn đoán hình ảnh	1 năm	Thực hành chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
7	Vũ Hoàng Dũng	Đại học Điều dưỡng	Da khoa	Số 001341/BG- CCHN ngày 23/9/2013	Điều dưỡng	5 năm	Thực hành KTV	Chẩn đoán hình ảnh	
8	Thân Đức Tinh	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 0004273/BG- CCHN ngày 29/6/2015	KTV chẩn đoán hình ảnh	4 năm	Thực hành KTV Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
9	Nguyễn Văn Liêm	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 0002778/BG- CCHN ngày 11/7/2014	KTV Chụp X Quang	4 năm	Thực hành KTV Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
10	Nguyễn Xuân Mạnh	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 001388/BG- CCHN ngày 23/9/2013	KTV chẩn đoán hình ảnh	5 năm	Thực hành KTV Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	

11	Lê Văn Tân	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 000990/BG- CCHN ngày 10/7/2013	KTV Chụp X Quang	5 năm	Thực hành KTV Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	
----	------------	--------------------------	-----	---	---------------------	-------	-------------------------------------	-----------------------	--

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Đại học/Cao đẳng/Trung cấp**

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
01	Vũ Ngọc Huyền	Bác sĩ	Thạc sĩ, Bác sĩ	Số 002252/BG- CCHN ngày 25/12/2013	CK Chẩn đoán hình ảnh	Trên 5 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
02	Hà Huy Hùng	Bác sĩ	Bác sĩ CKI	Số 0002691/BG- CCHN ngày 25/12/2013	CK chẩn đoán hình ảnh(SA, NSTHT, Di ện tim)	Trên 5 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
03	Triệu Thị Xuân	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 0003228/BG- CCHN ngày 22/12/2014	CK Chẩn đoán hình ảnh	4 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
04	Nguyễn Thị Huyền	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 002111/BG- CCHN ngày 16/12/2013	KB,CB hệ Nội nhì	5 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	

5	Nguyễn Văn Toàn	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 0003412/BG- CCHN ngày 11/02/2015	CK Chẩn đoán hình ảnh	4 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
6	Nguyễn Thị Bích Nguyễn	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 005495/BG- CCHN ngày 11/5/2016	CK chẩn đoán hình ảnh: siêu âm, điện tim, nội soi dạ dày	3 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh, Thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
7	Đoàn Thị Oanh	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 005494/BG- CCHN ngày 11/5/2016	CK chẩn đoán hình ảnh: siêu âm, điện tim	3 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	
8	Đàm Thị Trang	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 005569/BG- CCHN ngày 08/7/2016	CK Chẩn đoán hình ảnh	3 năm	Thực hành Chẩn đoán hình ảnh	Thăm dò chức năng	
9	Bùi Ngọc Tú	Bác sĩ	Bác sĩ	Số 0003249/BG- CCHN ngày 23/01/2015	KB,CB hệ Nội - Nhi	4 năm	Thực hành Thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
10	Dương Thị Thủy	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	Số 0002647/BG- CCHN ngày 25/12/2013	Điều dưỡng	5 năm	Thực hành điều dưỡng viên	Thăm dò chức năng	
11	Nguyễn Văn Dũng	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 006055/BG- CCHN ngày 24/3/2017	Kỹ thuật viên thăm dò chức năng	2 năm	Thực hành Kỹ thuật viên thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
12	Lê Thanh Cường	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 006075/BG- CCHN ngày 28/3/2017	Kỹ thuật viên thăm dò chức năng	2 năm	Thực hành Kỹ thuật viên thăm dò chức năng	Thăm dò chức năng	
13	Nguyễn Thị Vân Hồng	Đại học Điều dưỡng	Đa khoa	Số 0004829/BG- CCHN ngày 16/7/2015	Điều dưỡng	3 năm	Thực hành điều dưỡng viên	Thăm dò chức năng	

**DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Đại học/Cao đẳng/Trung cấp**

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Tên khoa/ đơn vị đạt yêu cầu thực hành	Số giờ/đạt yêu cầu thực hành
01	Nguyễn Thị Nga	Bác sĩ	Bác sĩ CKI	Số 0005069/BG-CCHN ngày 25/12/2015	CK XN GPB	3 năm	Thực hành chuyên khoa xét nghiệm Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh	
02	Nguyễn Văn Tuyển	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 001380/BG-CCHN ngày 23/9/2013	KTV Xét nghiệm, chuyên khoa xét nghiệm HS	5 năm	Thực hành KTV Xét nghiệm	Giải phẫu bệnh	
03	Trần Thị Nguyễn	Kỹ thuật Y Đại học	KTV	Số 003809/BG-CCHN ngày 16/4/2015	Kỹ thuật viên xét nghiệm	4 năm	Thực hành KTV Xét nghiệm	Giải phẫu bệnh	

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Đại học/Cao đẳng/Trung cấp

STT	Họ và tên	Học hàm học vị; Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Tên khoa/ đơn vị đặt yêu cầu thực hành	Số giường đặt yêu cầu thực hành
01	Nguyễn Thị Minh	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng CKI	Số 0002288 /BG-CCHN ngày 25/12/2015	Điều dưỡng	Trên 5 năm	Thực hành chuyên ngành điều dưỡng		
02	Trần Thị Phong	Điều dưỡng CKI	Điều dưỡng CKI	Số 001489/BG-CCHN ngày 23/9/2013	Điều dưỡng	Trên 5 năm	Thực hành chuyên ngành điều dưỡng		

Tổng số người đủ điều kiện giảng dạy, hướng dẫn thực hành: 257 người

Bắc Giang, ngày 06 tháng 03 năm 2019

GIÁM ĐỐC



BSCKII. Nguyễn Văn Đồng

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TÀI KHOA/ĐƠN VỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
Sau Đại học/ Đại học/Cao đẳng/Trung cấp

1. Khoa Nội Thận - Tiết niệu - Lọc máu

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy chạy thận nhân tạo và hệ thống xử lý nước RO	52	
2.	Hệ thống xử lý nước	1	
3.	Máy xử lý nước RO di động	1	
4.	Bơm tiêm điện	2	
5.	Máy chạy thận HDF	1	
6.	Monitor 5 thông số	1	
7.	Monitor theo dõi bệnh nhân NIHOKONDEN	1	
8.	Máy điện tim 3 cần	1	
Tổng cộng: 10 loại thiết bị			

2. Khoa Hô hấp

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
9.	Máy đo chức năng hô hấp	3	
10.	Máy siêu âm	1	
11.	Máy điện tim 3 cần	1	
12.	Monitor theo dõi bệnh nhân	2	
13.	Máy hút dịch	2	
14.	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	2	
15.	Máy giúp thở Bipap VIVO 30	1	
16.	Máy giúp thở Bipap VIVO 40	1	
17.	Máy thở	1	
18.	Máy thở BiPAP không xâm nhập	1	
19.	Bơm tiêm điện	7	
20.	Hệ thống máy nội soi video khí phế quản	1	
21.	Máy theo dõi SPO2 và nhịp mạch	2	
22.	Máy đo độ bão hoà oxy	1	
Tổng cộng: 14 loại thiết bị			

3. Khoa Nội Tiêu hóa

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy điện tim 3 cần	1	
2.	Máy hút dịch	1	
3.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 3 thông số	1	
Tổng cộng: 03 loại thiết bị			

4. Khoa Nội Tổng hợp

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy điện tim 3 cần	1	
2.	Bơm tiêm điện	2	
3.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 3 thông số	1	
Tổng cộng: 03 loại thiết bị			

5. Khoa Nội Tim mạch

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Bơm tiêm điện	6	
2.	Máy điện tim 3 cần	2	
3.	Máy hút dịch	1	
4.	Thiết bị theo dõi huyết áp 24h	1	
5.	Máy siêu âm màu 2D	1	
6.	Máy tạo nhịp tim tạm thời loại 1 buồng	1	
7.	Máy Holter điện tim	1	
8.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	
9.	Hệ thống Hoter điện tim	1	
10.	Máy phá rung tim	1	
Tổng cộng: 10 loại thiết bị			

6. Khoa Nội Thần kinh - Cơ - Xương - Khớp

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy hút dịch	1	
2.	Đèn soi đồng tử	2	
3.	Máy đo độ loãng xương	1	
4.	Monitor 5 thông số	1	
5.	Máy điện tim 3 cần cuộn	1	
6.	Bộ đặt nội khí quản	1	
Tổng cộng: 06 loại thiết bị			

7. Khoa Hồi sức tích cực - Chống độc

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy thở	15	
2.	Máy thở chức năng	1	
3.	Máy thở chức năng cao	4	
4.	Máy thở chức năng cao xâm nhập & không xâm nhập	2	
5.	Máy thở BiPAP không xâm nhập	1	
6.	Monitor theo dõi bệnh nhân	11	
7.	Monitor trung tâm kèm 10 monitor đầu giường	1	
8.	Bơm tiêm điện	8	
9.	Máy hút dịch	5	
10.	Máy hút liên tục áp lực thấp	1	
11.	Máy hút khí màng phổi	1	
12.	Máy siêu âm	2	
13.	Bộ đèn đặt nội khí quản	2	
14.	Máy điện tim 3 cần	1	
15.	Máy chụp XQ tại giường	1	
16.	Máy đo độ bão hòa oxy	1	
17.	Hệ thống nội soi phế quản video	1	
18.	Hệ thống lọc máu liên tục	1	
Tổng cộng: 18 loại thiết bị			

8. Khoa Cấp cứu

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Bơm tiêm điện	6	
2.	Máy hút dịch	3	
3.	Máy hút dịch liên tục áp lực thấp	1	
4.	Máy thở	2	
5.	Máy thở T Bird	1	
6.	Máy thở BIPAP không xâm nhập	1	
7.	Bộ đèn đặt nội khí quản	2	
8.	Máy điện tim 3 cần	1	
9.	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	2	
10.	Máy truyền dịch tự động Top 3300	1	
11.	Monitor theo dõi bệnh nhân	3	
12.	Máy theo dõi SPO2 và nhịp mạch	2	
Tổng cộng: 12 loại thiết bị			

9. Khoa Ngoại Tổng hợp

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy tháo lồng ruột	1	
2.	Máy hút dịch	1	
3.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
Tổng cộng: 03 loại thiết bị			

10. Khoa Ngoại Tiêu hóa

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
2.	Bàn tiêu phẫu bằng inox có 2 đầu nâng	1	
3.	Máy hút dịch	1	
Tổng cộng: 03 loại thiết bị			

11. Khoa Ngoại Lồng ngực - Chính hình - Bông

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
2.	Máy hút dịch	1	
3.	Bàn chỉnh hình	1	
Tổng cộng: 03 loại thiết bị			

12. Khoa Ngoại Thận - Tiết niệu - Nam học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
2.	Máy hút dịch	1	
3.	Máy tán sỏi ngoài cơ thể	1	
Tổng cộng: 03 loại thiết bị			

13. Khoa Ngoại Chấn thương

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
2.	Máy hút dịch	1	
3.	Máy siêu âm điều trị	1	
4.	Khoan điện dùng cho phẫu thuật ngoại chấn thương		
Tổng cộng: 04 loại thiết bị			

14. Khoa Ngoại Thần kinh

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy monitor theo dõi bệnh nhân 5 thông số	1	
2.	Máy hút dịch	1	
3.	Máy theo dõi SPO2 và nhịp mạch	1	
Tổng cộng: 03 loại thiết bị			

15. Khoa Nhi

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy hút dịch	2	
2.	Bơm tiêm điện	4	
3.	Máy truyền dịch	2	
4.	Monitor theo dõi bệnh nhân đa thông số	2	
5.	Bộ đèn đặt nội khí quản (sơ sinh + trẻ em)	2	
6.	Máy làm ấm trẻ sơ sinh	1	
7.	Lồng ấp trẻ sơ sinh	1	
8.	Đèn điều trị vàng da	1	
9.	Máy thở + máy nén khí trẻ em	1	
Tổng cộng: 09 loại thiết bị			

16. Khoa Truyền nhiễm

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Bơm tiêm điện	1	
2.	Máy điện tim 3 cần	1	
3.	Máy theo dõi bệnh nhân	1	
4.	Máy thở chức năng cao	1	
5.	Monitor theo dõi bệnh nhân	1	
6.	Máy đo độ bão hoà ôxy	1	
7.	Máy siêu âm định lượng xơ gan và gan nhiễm mỡ	1	
Tổng cộng: 07 loại thiết bị			

17. Khoa Lão học

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy theo dõi bệnh nhân	1	
2.	Máy hút dịch	1	
3.	Máy điện tim 3 cần	1	
4.	Bơm tiêm điện	3	
Tổng cộng: 04 loại thiết bị			

18. Khoa Y học cổ truyền

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy trị liệu 4 liệu pháp kèm phụ kiện	1	
2.	Giường kéo dẫn	2	
3.	Máy sắc thuốc tự động	1	
4.	Máy đóng gói tự động	1	
Tổng cộng: 04 loại thiết bị			

19. Khoa Vật lý trị liệu- PHCN

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng	Ghi chú
1.	Máy điều trị sóng ngắn xung & liên tục	1	
2.	Máy siêu âm liên tục	1	
3.	Máy kéo dẫn cột sống cổ	1	
4.	Máy kéo dẫn cột sống	1	
5.	Hệ thống kéo giãn cột sống cổ và lưng	1	
6.	Máy laser điều trị	2	
7.	Máy từ trường điều trị	1	
8.	Máy điện xung trị liệu	1	
9.	Máy điều trị điện xung, điện phân	1	
10.	Máy điều trị vi sóng	1	
11.	Máy điều trị sóng ngắn		
12.	Máy Laze Hene nội tử		
Tổng cộng: 12 loại thiết bị			

Bắc Giang, ngày 06 tháng 03 năm 2019

GIÁM ĐỐC



BSCKII. Nguyễn Văn Đông